

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**  
Về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 154/2004/QĐ-UB  
ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố  
về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.  
\*\*\*\*\*

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;
- Căn cứ Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ;
- Xét đề nghị của Sở Tư pháp thành phố tại Công văn số 2849/STP-VB ngày 20 tháng 8 năm 2004 ;

**QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Thay thế nội dung Điều 2 của Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh bằng nội dung như sau:

“2.1- Thành phần cụ thể các nhóm đối tượng sử dụng nước được quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

2.2- Giao Giám đốc Doanh nghiệp cấp nước căn cứ vào quy định các nhóm đối tượng sử dụng nước để áp dụng mức thu hợp lý, chính xác đối với các khách hàng sử dụng nước.

2.3- Giao Giám đốc Sở Giao thông công chính tiếp nhận, giải quyết các trường hợp chưa được quy định cụ thể hoặc phát sinh thành phần đối tượng mới, tổng hợp và đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh bổ sung quy định này cho phù hợp qua quá trình thực hiện.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung không được đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông công chính thành phố, Thủ trưởng các sở-ban-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Giám đốc các Doanh nghiệp cấp nước, Giám đốc Công ty Cấp nước thành phố và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận :*

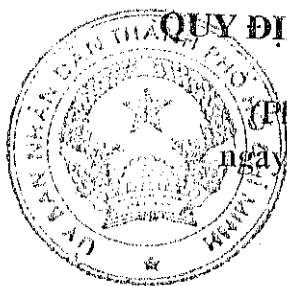
- Như điều 3
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Xây dựng
- Bộ Tài chính
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố
- Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố
- Các Đoàn thể thành phố
- Văn phòng Thành ủy
- Các Ban Thành ủy
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố
- Các Báo, Đài (để đưa thông tin)
- VPHĐ-UB : các PVP, các Tổ NCTH, ĐT (3bản)
- Lưu (ĐT-Th)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Đưa*  
**Nguyễn Văn Đưa**



## QUY ĐỊNH CỤ THỂ THÀNH PHẦN CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG NƯỚC

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 239 /2004/QĐ-UB  
ngày 20 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố)

\*\*\*\*\*

### 1- Nhóm 01 - Các hộ dân cư:

Bao gồm các hộ dân, hộ tập thể, chung cư, cư xá, ký túc xá đã có đồng hồ nước, tính trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú đã đăng ký với chính quyền địa phương (đối tượng thuộc diện tạm trú do doanh nghiệp cấp nước phối hợp cùng cơ quan quản lý nhân khẩu xác định). Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký theo định mức tại một thuê bao đồng hồ nước.

\* Đơn giá áp dụng cho nhóm 01:

- |  |                           |
|--|---------------------------|
| - Trong định mức (đến 4m <sup>3</sup> /người/tháng).     | 2.700 đồng/m <sup>3</sup> |
| - Trên 4m <sup>3</sup> đến 6m <sup>3</sup> /người/tháng. | 5.400 đồng/m <sup>3</sup> |
| - Trên 6m <sup>3</sup> /người/tháng.                     | 8.000 đồng/m <sup>3</sup> |

### 2- Nhóm 02 - Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể:

Bao gồm các đối tượng sau:

- Các cơ quan hành chính, chính quyền các cấp.
- Các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang.
- Các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội.
- Các cơ sở y tế, bệnh viện, trường học, trường dạy nghề, cơ sở thể dục thể thao.
- Các tổ chức nghiên cứu thử nghiệm khoa học.
- Các cơ sở tôn giáo.
- Các Lãnh sự quán, văn phòng đại diện các Công ty nước ngoài, các tổ chức phi Chính phủ.
- Các văn phòng đại diện của các Công ty trong nước, nhà khách.

\* Đơn giá áp dụng cho nhóm 02: 6.000 đồng/m<sup>3</sup>

### 3- Nhóm 03 - Đơn vị sản xuất:

Bao gồm các đối tượng sau:

- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, gia công, chế biến, chăn nuôi, trồng trọt.
- Các khu chế xuất, khu công nghiệp.
- Các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp.

\* Đơn giá áp dụng cho nhóm 03: 4.500 đồng/m<sup>3</sup>

**4- Nhóm 04 - Đơn vị kinh doanh dịch vụ:**

Bao gồm các đối tượng sau:

- Các khách sạn, phòng trọ.
- Các nhà hàng, quán ăn, quán giải khát.
- Các hồ bơi, cơ sở thẩm mỹ, cắt tóc, uốn tóc, rửa xe, giặt ủi, khu vui chơi giải trí.
- Các cơ sở sản xuất nước đá, nước tinh khiết.
- Cảng, bến bãi tàu xe, sân bay.
- Chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng.
- Dịch vụ đổ nước, đổi nước.

Dịch vụ đổ nước, đổi nước cần đăng ký và có hợp đồng với doanh nghiệp cấp nước theo hình thức Dịch vụ vận chuyển nước sạch của Quy chế xã hội hóa cấp nước để được hưởng giá nước ưu đãi.

- Các đối tượng khác không thuộc nhóm 01, 02 và 03.

\* Đơn giá áp dụng cho nhóm 04: 8.000 đồng/m<sup>3</sup>

5- Trường hợp một đồng hồ nước sử dụng cho nhiều đối tượng sử dụng nước thì áp dụng định mức cho đối tượng là khách hàng đứng tên thuê bao đồng hồ nước và tuân thủ theo hợp đồng thuê bao. Khách hàng cần lắp thêm đồng hồ nước riêng cho từng đối tượng để được áp dụng mức giá phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ.**